



MÔN: NGŨ VĂN - KHỐI 12

A. CẤU TRÚC ĐỀ

I. Đọc hiểu (4,0 điểm): 5 câu hỏi; ngữ liệu đọc hiểu: Văn bản truyện ngắn hiện đại Việt Nam hoặc thơ hiện đại Việt Nam (không dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa).

II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết một đoạn văn nghị luận văn học (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (4,0 điểm): Viết một bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (khoảng 450 chữ).

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. PHẦN ĐỌC- HIỂU

1. Đọc hiểu văn bản thơ

*** Yêu cầu cần đạt về đọc – hiểu văn bản thơ**

- Đọc hiểu nội dung

+ Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.

+ Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

- Đọc hiểu hình thức

+ Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm văn học tiêu biểu đã học.

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,..

- Liên hệ, so sánh, kết nối

+ Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản.

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.

+ Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc.

*** Các bước đọc hiểu văn bản thơ**

Các bước	Nội dung
Bước 1	Cần biết rõ tên bài thơ, tên tác giả, thời gian và hoàn cảnh sáng tác, đó là cơ sở ban đầu để tiếp cận tác phẩm.
Bước 2	Đọc và quan sát bước đầu để nắm chắc bài thơ. Qua việc đọc, phải xác định được chủ đề, chủ thể trữ tình (chủ thể trữ tình thường xuất hiện ở hai dạng: cái tôi trữ tình và chủ thể trữ tình ẩn), đối tượng trữ tình, hình tượng trữ tình và giọng điệu chủ đạo của bài thơ.
Bước 3	Cảm nhận nội dung, ý nghĩa bài thơ qua câu chữ, hình ảnh, nhịp điệu, kết cấu, các biện pháp tu từ,...
Bước 4	Lí giải, đánh giá toàn bộ bài thơ cả về hai phương diện nội dung và nghệ thuật.
Bước 5	Đặc biệt là phải chỉ ra những đóng góp của tác giả (thể hiện qua tác phẩm) cho thơ và cho cuộc sống con người.

*** Định hướng trả lời câu hỏi đọc – hiểu văn bản thơ**

- Câu hỏi nhận biết

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Xác định đề tài	- Xác định phạm vi đời sống được nói đến trong tác phẩm.

	của một bài thơ	+ Phạm vi con người: Nhân vật trữ tình trong tác phẩm là ai?/ Tác giả tập trung làm rõ điều gì về nhân vật trữ tình? (thân phận, nghề nghiệp, giới tính, hoàn cảnh sống,...) + Phạm vi mối quan hệ: Giữa nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình có mối quan hệ như thế nào? (tình yêu, tình bạn, hôn nhân, con người với thiên nhiên,...) + Phạm vi không gian: Nhân vật trữ tình được đặt trong không gian nào là chủ yếu? (thôn quê, thành thị, công sở, phố huyện,...) + Phạm vi thời gian: Nhân vật trữ tình được đặt trong thời gian nào là chủ yếu? (trước năm 1945, kháng chiến chống Pháp, cách mạng, chiến tranh, hậu chiến,...) - Gọi tên đề tài của tác phẩm + Phạm vi đời sống được tập trung làm rõ sẽ là đề tài chính của tác phẩm. + Gọi tên đề tài của tác phẩm. • Cách 1: Phạm vi con người/ mối quan hệ. Ví dụ: Đề tài người phụ nữ; đề tài tình yêu.... • Cách 2: Phạm vi con người+ thời gian/ không gian. Ví dụ: Người lính thời hậu chiến.
2	Xác định nhân vật trữ tình	- Xác định nhân vật trữ tình. + Xác định các ngôi xưng trong văn bản. + Trong đó, ai là người trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc thì đó là nhân vật trữ tình. + Trong trường hợp không có ngôi xưng, cần xác định xem người đang bộc lộ, bày tỏ cảm xúc trong văn bản là ai? - Kết luận.
3	Xác định thể thơ	- Đọc nhận diện và chú ý các dấu hiệu nhận biết. + Đếm số chữ trong mỗi câu. + Số dòng trong mỗi khổ. - Kết luận thể thơ.
4	Xác định biện pháp tu từ	- Dựa vào đặc điểm, các dấu hiệu nhận biết để tìm ra các biện pháp tu từ. - Gọi tên biện pháp tu từ và hình ảnh chứa biện pháp đó.
5	Xác định các yếu tố biểu tượng trong văn bản	- Xác định các hình ảnh trong bài thơ/đoạn thơ (thường là các danh từ hoặc cụm danh từ). - Xem xét - đánh giá các hình ảnh. + Hình ảnh nào có nhiều hơn một nét nghĩa? + Hình ảnh nào đã được sử dụng quen thuộc và phổ biến trong văn học, có mặt trong nhiều tác phẩm? + Hình ảnh nào nhằm thể hiện một quan niệm, một tư tưởng hay một triết lí sâu xa về con người và cuộc đời? + Hình ảnh nào chịu sự chi phối của thời đại, nền văn hóa? - Liệt kê các hình ảnh mang tính biểu tượng. + Hình ảnh nào thỏa mãn các tiêu chí trên là hình ảnh biểu tượng. + Ghi lại đầy đủ, chính xác.
6	Chỉ ra một số yếu tố tự sự trong văn bản	- Tìm các yếu tố tự sự trong văn bản + Các yếu tố cấu thành chuyện kể: sự kiện, khoảnh khắc, những lát cắt của đời sống, các hiện tượng, hành động, trạng thái,... + Các lời thoại, hình thức lời tâm sự, câu hỏi. - Ghi lại chính xác, đầy đủ.
7	Liệt kê từ ngữ, hình ảnh	- Tìm các từ ngữ, hình ảnh liên quan hoặc chứa các từ khóa trong lệnh hỏi. Gợi ý: Hình ảnh thường là danh từ/cụm danh từ có đi kèm tính từ chỉ đặc điểm, tính chất (thường là hữu hình + hữu thể, hoặc hữu hình, hoặc hữu thể). - Ghi lại rõ ràng, chính xác, đầy đủ.

- Câu hỏi thông hiểu

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ/đoạn thơ	- Giải thích câu thơ. + Giải thích câu thơ/ đoạn thơ. + Giải thích từ khóa/vế câu: giải thích nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn. - Nhận xét thái độ, tình cảm của tác giả + Tích cực: trân trọng, tự hào, biết ơn,... + Tiêu cực: phẫn nộ, bất bình,... - Tác giả nhấn nhủ điều gì? (Sử dụng từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải,...)
2	Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ	- Chỉ ra tên biện pháp tu từ được sử dụng và hình ảnh chứa biện pháp đó. - Nêu tác dụng. + Nghệ thuật: Giúp cho câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn hơn; làm tăng sức gợi hình, gợi cảm. (Với riêng biện pháp điệp: tạo nhịp điệu, tạo mạch liên kết.) + Nội dung: Nhấn mạnh/Làm nổi bật đặc điểm gì của đối tượng? (chỉ ra khoảng 3 tính từ động từ) + Tư tưởng, tình cảm: Qua đó bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào của tác giả? (tự hào, biết ơn, trân trọng, thông cảm, xót xa, thương tiếc, tiếc nuối,...)
3	Hình ảnh tượng trưng cho điều gì	- Hình ảnh tượng trưng cho giá trị tinh thần hoặc vẻ đẹp phẩm chất gì? + Dựa vào bối cảnh thời đại. + Dựa vào chủ đề, cảm hứng, tư tưởng. - Từ đó thể hiện điều gì?
4	Nêu ý nghĩa của hình ảnh thơ	- Về nội dung: Hình ảnh đó gợi lên điều gì? + Nghĩa tường minh. + Nghĩa hàm ẩn. - Về nghệ thuật. Giúp bài thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi, mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao.
5	Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình	- Đọc kĩ từng câu thơ/ khổ thơ, chú ý các tính từ bộc lộ cảm xúc hoặc các câu cảm thán, câu nghi vấn. - Ghi lại cảm xúc của nhân vật trữ tình thay đổi như thế nào qua các câu thơ/khổ thơ hoặc qua thời gian, không gian, hoàn cảnh của chủ thể trữ tình.
6	Nêu cảm hứng chủ đạo	- Liệt kê các trạng thái cảm xúc trong cảm hứng chủ đạo. + Tìm những từ ngữ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc. + Tìm hiểu trạng thái cảm xúc của tác giả qua cách lựa chọn từ ngữ và sử dụng hình ảnh. - Xem xét và kết luận. + Tình cảm, cảm xúc nào mang tính xuyên suốt, bao trùm toàn bài thì đó là cảm hứng chủ đạo. + Gọi tên cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
7	Nhận xét tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình	- Xác định tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình. + Gọi tên tình cảm, cảm xúc: • Tích cực: trân trọng, tự hào, biết ơn, thương yêu, yêu mến,... • Tiêu cực: đau khổ, buồn bã, cô đơn, xót xa,... + Trong mối quan hệ nào, với ai, trong hoàn cảnh nào? <i>Ví dụ:</i> Tình cảm trân trọng, nhớ thương đối với quê hương khi ở nơi đất khách quê người. - Nhận xét.

		+ Tình cảm, cảm xúc ấy được thể hiện như thế nào? (Ví dụ: giản dị, mộc mạc, chân thành, tự nhiên, tha thiết, nồng nàn,...) + Ý nghĩa: Cho thấy tinh thần, vẻ đẹp, phẩm chất, lối sống, đạo lí như thế nào?
8	Xác định tư tưởng của tác phẩm	- Xem xét: Dựa vào đề tài, chủ đề, nhân vật để xác định kiểu tư tưởng (thẩm mỹ, nhân văn, nhân đạo,...). - Tìm ra điều tác giả đang suy tư, trăn trở phẩm hoặc một giá trị mang tính nhận thức trong tác phẩm. Gợi ý: Có thể sử dụng các từ khóa sau khi nêu tư tưởng. + Khẳng định: Đề cao, cổ vũ, khích lệ, ca ngợi, khát khao, tôn vinh, khẳng định, nhấn mạnh, bày tỏ, thể hiện,... + Phủ định: Phê phán, lên án, đả kích, phản đối, kêu gọi, nhắc nhở, thức tỉnh, khuyên nhủ, - Kết luận tư tưởng của tác phẩm.
9	Hiệu quả của hình thức lời tâm sự	Hiệu quả/ý nghĩa: - Tạo giọng điệu thiết tha, tâm tình, sâu lắng. - Thể hiện tình cảm gắn bó sâu sắc của nhân vật trữ tình.
10	Xác định chủ đề	- Xác định đề tài (dựa vào nhan đề, danh từ/cụm danh từ xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm). - Xác định vấn đề trọng tâm, hướng nhận thức, lí giải về đề tài (vấn đề được triển khai thành những khía cạnh nào, nhân vật trữ tình bày tỏ tình cảm/cảm xúc gì). - Gọi tên chủ đề của tác phẩm. Sử dụng từ khóa: Vẻ đẹp, tình yêu, số phận, tình cảm, giá trị, nỗi nhớ, ca ngợi, phê phán, tố cáo,....
11	Nêu nội dung của câu thơ, đoạn thơ	- Câu thơ/đoạn thơ nói về điều gì? + Xác định nội dung của từng phần nhỏ. + Xâu chuỗi các nội dung nhỏ để hợp thành nội dung bao quát. - Tác giả thể hiện thái độ, tình cảm gì? + Tích cực: trân trọng, tự hào, biết ơn,... + Tiêu cực: phê phán, bất bình, phản đối,... - Qua đó nhắn nhủ bạn đọc điều gì? (Sử dụng từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải) * <i>Lưu ý:</i> • Chú ý vào các từ khóa lặp đi lặp lại trong văn bản, nhan đề, câu chủ đề ở đầu và cuối đoạn. • Chỉ nêu ngắn gọn, tránh việc kể lể lan man thành tóm tắt văn bản.
12	Nhận xét giọng điệu của bài thơ	- Đọc bài thơ và cảm nhận tổng quát. - Chỉ ra giọng điệu của bài thơ. Dựa vào cảm hứng chủ đạo, cách xưng hô, sử dụng từ ngữ, hình ảnh để chỉ ra giọng điệu của bài thơ (nhẹ nhàng/ đanh thép/ xót xa,...). - Nhận xét giọng điệu của bài thơ. + Về nội dung: • Giọng điệu có đa dạng, phong phú, linh hoạt không? • Góp phần thể hiện tư tưởng, tình cảm, chủ đề như thế nào? + Về nghệ thuật: Khiến cho bài thơ xúc động/ truyền cảm/ có sức lay động mạnh mẽ/ tác động sâu sắc đến trái tim bạn đọc và thể hiện phong cách riêng của tác giả.
13	Rút ra thông điệp của tác phẩm	- Xem xét: Dựa vào đề tài, chủ đề, nội dung văn bản để xác định điều tác giả muốn nhắn nhủ, gửi gắm đến - Nêu thông điệp. + Nêu thành mệnh đề mang tính triết lí từ 1 - 3 dòng. + Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, nên, cần, phải. * <i>Lưu ý:</i> không trích nguyên văn câu thơ, dù câu đó chứa thông điệp.

14	Sự thay đổi ngôi xưng trong bài thơ có ý nghĩa gì	- Về nội dung: + Các ngôi xưng nhằm đối thoại với ai? Trong mối quan hệ như thế nào? + Tạo sắc thái biểu cảm ra sao? + Có ý nghĩa gì trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng của đoạn thơ/ bài thơ? - Về nghệ thuật: Tạo tính đối thoại linh hoạt, đa chiều, bộc lộ nhiều sắc thái tình cảm.
15	Nêu ý nghĩa nhan đề	- Đánh giá về nhan đề. + Nhan đề có gì đặc biệt? (nội dung, hình thức). + Ví dụ: ấn tượng, đặc sắc, độc đáo, thú vị,... - Nêu ý nghĩa nhan đề. + Nhan đề cung cấp thông tin hay gợi mở điều gì? • Gợi mở nội dung: hình tượng nghệ thuật, tình huống truyện, cảm hứng chủ đạo,... • Gợi mở giá trị tác phẩm: nhân đạo, hiện thực, nhân văn, thẩm mỹ,... + Có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm? <i>Gợi ý:</i> Nếu nhan đề là một cụm từ/câu, có thể giải nghĩa các từ khóa sau đó nêu nghĩa tổng quát của cả nhan đề.

- Câu hỏi vận dụng

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Nhận xét thái độ, tình cảm của tác giả	- Nêu thái độ, tình cảm của tác giả (1 câu). + Tích cực: tự hào, trân trọng, biết ơn, tin tưởng. + Tiêu cực: lên án, phê phán, phản đối, tố cáo. - Nhận xét thái độ, tình cảm của tác giả (2 câu). + Tình cảm đó xuất phát từ đâu? • Từ điều gì: tình yêu, tình cảm, từ trái tim, từ tấm lòng, lòng trắc ẩn, lòng nhân ái, lòng nhân hậu,... • Dành cho ai: quê hương, đất nước, người dân lao động, người mẹ, người bạn,... + Tình cảm đó được thể hiện như thế nào? <i>Gợi ý:</i> mộc mạc, giản dị, hồn nhiên, chân thành, sâu lắng, tha thiết, nồng nàn, say đắm. - Ý nghĩa với tác phẩm, bạn đọc (1 câu). Giúp bài thơ trở nên truyền cảm, có sức lay động mạnh mẽ, chạm đến trái tim bạn đọc, giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về tư tưởng, thông điệp của bài thơ.
2	Nhận xét về vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trữ tình	- Nêu vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trữ tình (1 câu). + Gọi tên vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trữ tình. + Gọi ý một số từ khóa: mạnh mẽ, lạc quan, dũng cảm, kiên cường, bao dung, yêu đời, nhân hậu,... - Nhận xét về vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trữ tình (2- 3 câu). (Nêu suy nghĩ, cảm nhận, đánh giá về vẻ đẹp đó). + Vẻ đẹp đó xuất phát từ điều gì? + Vẻ đẹp đó đại diện cho điều gì? + Vẻ đẹp đó có ý nghĩa như thế nào? - Nêu cảm nghĩ về vẻ đẹp đó (1 câu). + Về thái độ: tự hào, biết ơn, trân trọng, khâm phục, ngưỡng mộ, kính trọng, nâng niu,... + Về hành động: giữ gìn, bảo vệ, phát huy,...
3	Nêu thông điệp và lí giải	- Nêu thông điệp (1 câu). <i>Lưu ý:</i> + Nêu thành mệnh đề mang tính triết lí. + Không nên trích thơ, dù câu đó chứa thông điệp. + Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải.

		- Lí giải vì sao chọn thông điệp đó (3 lí do). + Thực chất là nêu ý nghĩa với bản thân. + Sử dụng các từ khóa: Khơi dậy, thức tỉnh, cổ vũ, khuyến khích, nhắc nhở, truyền cảm hứng, tạo động lực, giúp nhận ra,... Cấu trúc trả lời: Thông điệp có ý nghĩa nhất với tôi là Bởi/Vì ... Mặt khác,... Ngoài ra ...
4	Nội dung của câu thơ sau có ý nghĩa gì với anh/chị?	- Khái quát nội dung của câu nói (1 câu). Gợi ý: + Tác giả muốn nói điều gì với bạn đọc? + Câu nói mang đến thông tin gì? - Khẳng định câu nói đem lại cho ta những ý nghĩa sâu sắc (3 ý) + Về nhận thức: Giúp ta nhận thức rõ về điều gì? (Sử dụng các từ khóa như: hiểu ra, nhận thức, nhắc nhở, thức tỉnh,...) + Về thái độ: Cho ta hiểu mình cần có thái độ tình cảm, cảm xúc gì về vấn đề được đặt ra? (Sử dụng các từ khóa như: đẩy lên, khơi dậy, khơi lên, nhắc nhở, thay đổi...) + Về hành động: Ta hiểu mình cần có hành động như thế nào? (Sử dụng từ khóa: khích lệ, thúc đẩy, cổ vũ, động viên, thôi thúc,...)
5	Từ suy ngẫm của tác giả, rút ra bài học về lẽ sống cho bản thân	- Nêu suy ngẫm của tác giả (1 câu). + Nêu quan điểm, ý kiến của tác giả. + Nội dung của câu nói đó là gì. - Rút ra 03 bài học về lẽ sống (về nhận thức, hành động). Sử dụng từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải.
6	Nội dung câu thơ/ Quan điểm của tác giả trong câu thơ gợi anh/chị suy nghĩ gì?	- Nêu nội dung/ quan điểm của tác giả (1 câu). + Tác giả muốn nói điều gì với bạn đọc? + Anh/Chị hiểu như thế nào về câu nói? - Nêu suy nghĩ của bản thân (3 câu). Sử dụng từ khóa: cần, hãy, nên.
7	Nhận xét tác dụng của việc kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản	- Đánh giá sự kết hợp 2 yếu tố trong văn bản. Hai yếu tố tự sự và trữ tình được kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa, góp phần làm nên thành công cho tác phẩm. - Nêu tác dụng. + Về nghệ thuật: Giúp cho bài thơ trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. + Về nội dung: • Làm nổi bật nội dung/hình ảnh/câu chuyện khung cảnh nào? • Làm rõ/bộc lộ tâm trạng, cảm xúc như thế nào của nhân vật trữ tình?
8	Trình bày suy nghĩ về cách ứng xử của bản thân trước một vấn đề hay	- Nêu nhận thức của bản thân về vấn đề giá trị được đưa ra (1 câu). + Đó là điều như thế nào? + Điều đó có ý nghĩa như thế nào? - Nêu cách ứng xử của bản thân (3 câu). + Về thái độ: cần có thái độ như thế nào? Gợi ý một số từ khóa: trân trọng, tôn trọng, yêu mến, biết ơn, tích cực, lạc quan, tự tin,... + Về hành động: cần làm gì?

	một giá trị	Gợi ý một số từ khóa: nỗ lực, tiết kiệm, cải thiện, giúp đỡ, hỗ trợ, giữ gìn, nâng niu, bảo vệ....
--	--------------------	--

1.2. Đọc hiểu văn bản truyện

* Yêu cầu cần đạt về đọc – hiểu văn bản truyện ngắn

- Đọc hiểu nội dung

+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

+ Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.

+ Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản.

- Đọc hiểu hình thức

+ Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm văn học tiêu biểu đã học.

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn xuôi hiện đại như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,...

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết (hiện đại, hậu hiện đại) như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lý, hành động của nhân vật,...

+ Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

- Liên hệ, so sánh, kết nối

+ Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hóa được thể hiện trong văn bản.

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.

+ Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc.

* Các bước đọc – hiểu văn bản truyện

Các bước	Nội dung
Bước 1	Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tác giả, thời gian và hoàn cảnh sáng tác, đó là cơ sở ban đầu để tiếp cận tác phẩm.
Bước 2	Xác định ý nghĩa nhan đề của tác phẩm. Qua việc đọc, phải xác định được chủ đề tư tưởng và giá trị cơ bản của tác phẩm.
Bước 3	Xác định bố cục, kết cấu tác phẩm, nhân vật, người kể, ngôi kể,...
Bước 4	Tóm tắt được tác phẩm.
Bước 5	Xác định được các chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của tác phẩm.
Bước 6	Lí giải, đánh giá toàn bộ tác phẩm cả về hai phương diện nội dung và nghệ thuật.
Bước 7	Đặc biệt là phải chỉ ra những đóng góp của tác giả (thể hiện qua tác phẩm) cho một giai đoạn văn học và cho cuộc sống, con người.

* Định hướng trả lời câu hỏi đọc – hiểu văn bản truyện

- Câu hỏi nhận biết

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Xác định điểm nhìn trần thuật	- Bước 1: Xác định cách xưng hô của người kể chuyện. + Xưng “tôi”: điểm nhìn ngôi kể thứ nhất. + Không xưng “tôi”: điểm nhìn ngôi kể thứ ba.

		- Bước 2: Xác định mức độ tham gia vào câu chuyện của người kể chuyện. + Không tham gia và đứng bên ngoài quan sát: điểm nhìn toàn tri. + Có tham gia nhưng chỉ biết một phần câu chuyện: điểm nhìn hạn tri. - Bước 3: Kết luận + Nếu người kể chuyện xưng “tôi”, có tham gia nhưng chỉ biết một phần câu chuyện: điểm nhìn ngôi kể thứ nhất, hạn tri + Nếu người kể chuyện không xưng “tôi”, không tham gia và đứng bên ngoài quan sát, biết hết câu chuyện: điểm nhìn ngôi kể thứ ba, toàn tri.
2	Xác định sự thay đổi điểm nhìn trần thuật	- Bước 1: Xác định sự vật, sự việc, tâm tư tình cảm nhân vật được quan sát bởi ai. + Điểm nhìn của người kể chuyện (lời kể, tả bên ngoài). + Điểm nhìn nhân vật (qua lời nửa trực tiếp hoặc độc thoại nội tâm) - Bước 2: Kết luận. + Không có sự thay đổi điểm nhìn trần thuật. + Có sự thay đổi điểm nhìn trần thuật (từ người kể chuyện sang nhân vật, từ nhân vật này sang nhân vật khác)
3	Xác định nhân vật chính	- Bước 1: Xác định tất cả các nhân vật trong nhân vật. - Bước 2: Nhận diện được những dấu hiệu của nhân vật chính/ nhân vật trung tâm. + Tần suất xuất hiện: Xuất hiện xuyên suốt. + Được tác giả khắc họa trên nhiều phương diện: từ ngoại hình, nội tâm, quá trình phát triển tính cách của nhân vật. + Vai trò: kết nối với các nhân vật khác; góp phần tổ chức và triển khai tác phẩm; thể hiện đề tài, chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
4	Xác định ngôi kể	- Ngôi kể thứ nhất, người kể xưng “tôi” thường là nhân vật tham gia vào câu chuyện. - Ngôi kể thứ ba, người kể ẩn danh không xưng “tôi”, không tham gia vào câu chuyện. - Để xác định ngôi kể, học sinh đặt câu hỏi: Ai đang kể chuyện này (xưng “tôi” hay không xưng “tôi”)? Người kể có liên quan và tham gia vào câu chuyện không?
5	Xác định không gian, thời gian	- Xác định không gian: có các loại không gian sau: + Không gian cụ thể. • Không gian rộng: địa điểm, địa danh, khu vực... cụ thể • Không gian hẹp: các nhân vật đang sống, giao tiếp, trao đổi, suy nghĩ trong địa điểm, địa danh, khu vực... + Không gian tâm trạng. - Xác định thời gian: có các loại thời gian sau: + Thời gian cụ thể, tuyến tính: thời điểm nhân vật xuất hiện và thời điểm diễn ra sự kiện. + Thời gian thời đại: bối cảnh thời đại nhân vật sinh sống, hoạt động. + Thời gian lồng ghép, không theo trật tự tuyến tính; thời gian đồng hiện.
6	Xác định các chi tiết tiêu biểu	- Đọc và tìm các chi tiết. Gợi ý: Tìm các từ ngữ chỉ hành động, cử chỉ, lời nói, tiêu biểu tâm trạng, ngoại hình,... của nhân vật. Hoặc từ ngữ chỉ đồ vật, cảnh vật. - Xác định chi tiết tiêu biểu: Chi tiết thỏa mãn các tiêu chí sau: + Góp phần dẫn dắt câu chuyện. + Tô đậm đặc điểm, tính cách nhân vật. + Tạo sự hấp dẫn. + Nhấn mạnh ý nghĩa câu chuyện. - Kết luận: Ghi lại rõ ràng, chính xác.
7	Xác định đề tài	- Xác định phạm vi đời sống được nói đến trong tác phẩm. + Dựa vào sự kiện được miêu tả: đề tài chiến tranh, đề tài phiêu lưu,...

		+ Dựa vào mối quan hệ giữa các nhân vật: đề tài tình yêu, tình bạn, ... + Dựa vào loại nhân vật đặt ở vị trí trung tâm, dựa vào thân phận, nghề nghiệp, giới tính, hoàn cảnh sống: đề tài trẻ em, đề tài người lính,... + Dựa vào không gian tái hiện: đề tài nông thôn, đề tài thành thị,... + Dựa vào thời gian tái hiện: đề tài trước năm 1945, đề tài kháng chiến chống Pháp, cuộc sống hòa bình sau chiến tranh/hậu chiến, ... - Gọi tên đề tài của tác phẩm. + Cách 1: Phạm vi con người/ mối quan hệ. Ví dụ: Đề tài người phụ nữ; đề tài tình yêu,... + Cách 2: Phạm vi con người+ thời gian/không gian. Ví dụ: Người lính thời hậu chiến.
8	Xác định mạch trần thuật	- Trả lời các câu hỏi. + Mở đầu truyện tái hiện giai đoạn nào trong cuộc đời nhân vật? + Trong diễn biến sự kiện, cốt truyện nhân vật có được tái hiện theo một trục thời gian trước sau hay có xen kẽ hiện tại với hồi tưởng về quá khứ, giữa hiện thực khách quan bên ngoài với thế giới nội tâm sâu kín bên trong? + Truyện kết thúc bằng sự việc, chi tiết nào? Có tính dự báo hay dấu hiệu liên tưởng gì đặc biệt về cuộc đời nhân vật ở giai đoạn sau không? - Kết luận: Mạch trần thuật theo trình tự thời gian tuyến tính hay có sự đan xen giữa các đoạn thời gian đứt nối, theo mạch nội tâm nhân vật.

- Câu hỏi thông hiểu

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Xác định chủ đề	- Xác định đề tài: dựa vào lí thuyết đề tài. - Xác định các khía cạnh (vấn đề trọng tâm, hướng nhận thức, lí giải) của đề tài. - Gọi tên chủ đề của tác phẩm. <i>Ví dụ:</i> Tác phẩm <i>Hai đứa trẻ</i> - Thạch Lam. Đề tài: Cuộc sống của người dân phố huyện nghèo. Chủ đề: Cuộc sống quẩn quanh và khát khao nhỏ bé của người dân phố huyện nghèo trước cách mạng tháng 8.
2	Ý nghĩa của điểm nhìn, ngôi kể	- Ý nghĩa của điểm nhìn bên ngoài/ngôi thứ ba. + Người kể chuyện có khả năng bao quát câu chuyện; có thể lí giải, miêu tả mọi vấn đề, mọi phương diện của nhân vật. + Khiến cho câu chuyện được kể một cách khách quan, dễ hiểu. - Ý nghĩa của điểm nhìn bên trong/ngôi thứ nhất: + Giúp câu chuyện giàu cảm xúc, chân thực, sinh động và có tính thuyết phục cao. + Các biến cố được tái hiện một cách bất ngờ, hấp dẫn, lôi cuốn và kịch tính. + Tâm lí nhân vật được thể hiện đa dạng, phức tạp, sâu sắc.
3	Nhận xét mạch trần thuật	Trả lời các câu hỏi: + Mạch trần thuật có mới lạ, độc đáo, kịch tính, hấp dẫn không? + Mạch trần thuật có tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ tính cách, phẩm chất không? + Mạch trần thuật cho thấy nghệ thuật trần thuật đặc sắc của tác giả không? + Mạch trần thuật có thể hiện thông điệp nhân sinh không?
4	Xác định tư tưởng của tác phẩm	- Xem xét: Dựa vào đề tài, chủ đề, nhân vật để xác định kiểu tư tưởng (thảm mỹ, nhân văn, nhân đạo,...). - Tìm ra điều tác giả đang suy tư, trăn trở hoặc một giá trị mang tính nhận thức trong tác phẩm. Gợi ý: Có thể sử dụng các từ khóa sau khi nêu tư tưởng. + Khẳng định: Đề cao, cổ vũ, khích lệ, ca ngợi, khát khao, tôn vinh, khẳng định, nhấn mạnh, bày tỏ, thể hiện, nâng niu, trân trọng,...

		+ Phủ định: Phê phán, lên án, đả kích, phản đối, kêu gọi, nhắc nhở, thức tỉnh, khuyên nhủ,... - Kết luận tư tưởng của tác phẩm. <i>Ví dụ:</i> Xác định tư tưởng trong tác phẩm <i>Hai đứa trẻ</i> của Thạch Lam. Tác phẩm chứa đựng tư tưởng nhân đạo sâu sắc. Trong đó tác giả bày tỏ sự thương xót, cảm thông cho cuộc sống tăm tối, quẩn quanh của những người dân nơi phố huyện nghèo. Cùng với đó là sự nâng niu, trân trọng khát khao nhỏ bé, mong manh của họ.
5	Ý nghĩa của chi tiết nghệ thuật	- Ý nghĩa nội dung: + Chi tiết đó thể hiện điều gì? Góp phần bộc lộ điều gì về nhân vật (ngoại hình, tính cách phẩm chất, vẻ đẹp,...)? + Thể hiện cái nhìn như thế nào của nhà văn về cuộc sống, con người? (lạc quan, tích cực,...) + Mang đến giá trị cho tác phẩm (hiện thực nhân đạo, thẩm mỹ, nhân văn). + Gợi cảm thông điệp/ bài học gì? - Ý nghĩa nghệ thuật: + Giúp cho tác phẩm trở nên sinh động, hấp dẫn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện.
6	Xác định thông điệp	- Xem xét: Dựa vào đề tài, chủ đề, tư tưởng, nội dung văn bản để xác định xem tác giả muốn nhắn nhủ, gửi gắm điều gì đến bạn đọc. - Nêu thông điệp: Nêu thành mệnh đề mang tính triết lí. Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, nên, cần phải. Lưu ý: không trích nguyên văn từ văn bản, dù câu đó chứa thông điệp.
7	Chỉ ra và nêu tác dụng của tình huống truyện	- Chỉ ra tình huống truyện. + Sự kiện đặc biệt, mang tính bước ngoặt. + Giúp người đọc thấy rõ bản chất, tính cách nhân vật. - Nêu tác dụng: + Về nghệ thuật: Thúc đẩy cốt truyện phát triển, tạo kịch tính cho tác phẩm. + Về nội dung: • Thể hiện rõ nét tính cách, tâm lí gì của nhân vật? • Làm sáng rõ tư tưởng nào của tác giả hoặc giúp người đọc nhận thức được điều gì?
8	Cảm hứng chủ đạo	- Liệt kê các trạng thái cảm xúc trong văn bản. + Tìm những từ ngữ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc. + Tìm hiểu trạng thái cảm xúc của tác giả qua cách lựa chọn từ ngữ và sử dụng hình ảnh. - Xem xét và kết luận. + Tình cảm, cảm xúc nào mang tính xuyên suốt, bao trùm toàn bài thì đó là cảm hứng chủ đạo. + Gọi tên cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.
9	Đánh giá chủ đề	- Đánh giá bao quát: Chủ đề quen thuộc, phổ biến hay độc đáo, mới lạ? - Đánh giá chi tiết: + Chủ đề có ý nghĩa, giá trị gì? (nhân đạo/ nhân văn/ thẩm mỹ/ hiện thực,...) + Chủ đề đề nhằm khẳng định hay phủ định điều gì? (ca ngợi/ phê phán) + Chủ đề gợi lên điều gì? (vấn đề, tình cảnh, vẻ đẹp,...)
10	Nêu ý nghĩa của nhan đề truyện	- Đánh giá về nhan đề. Nhan đề có gì đặc biệt? (nội dung, hình thức) Ví dụ: ấn tượng, đặc sắc, độc đáo, thú vị.... - Nêu ý nghĩa nhan đề. Nhan đề cung cấp thông tin hay gợi mở điều gì? Gợi mở nội dung: hình tượng nghệ thuật, tình huống truyện, cảm hứng chủ đạo....

		+ Gọi mở giá trị của tác phẩm: nhân đạo, hiện thực, nhân văn, thẩm mỹ,... + Có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm? Gọi ý: Nếu nhan đề là một cụm từ/ câu, có thể giải nghĩa các từ khóa sau đó nêu nghĩa tổng quát của cả nhan đề.
11	Ý nghĩa của sự kiện	- Chỉ ra sự kiện trong tác phẩm. - Nêu ý nghĩa của sự kiện trong tác phẩm. Là yếu tố tạo nên tình huống truyện, thúc đẩy mạch truyện. Bộc lộ rõ nét tính cách, phẩm chất của nhân vật và hé mở tư tưởng của tác giả.

- Câu hỏi vận dụng

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Đồng tình/ không đồng tình với ý kiến của tác giả	- Bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng không tình/không đồng tình/đồng tình một phần. - Nêu 03 lí lẽ để làm rõ quan điểm của bản thân. - Phản biện (nếu có thể) Cấu trúc trả lời: Tôi đồng ý/ không đồng ý/ đồng ý một phần với ý kiến trên. Bởi... Mặt khác,... Bên cạnh đó,... Tuy nhiên....
2	Anh/Chị tâm đắc với triết lí nào văn bản? Vì sao?	- Rút ra 01 triết lí nhân sinh từ tác phẩm mà bản thân tâm đắc nhất. (Sử dụng từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên phải) - Lí giải bằng 03 lí do. + Về nhận thức: Giúp ta nhận thức rõ về điều gì? (Sử dụng các từ khóa như: hiểu ra, nhận thức, nhắc nhở, thức tỉnh,...) + Về thái độ: Cho ta hiểu mình cần có thái độ tình cảm, cảm xúc gì về vấn đề được đặt ra? (Sử dụng các từ khóa như: đẩy lên, khơi dậy, khơi lên, nhắc nhở, thay đổi...) + Về hành động: Ta hiểu mình cần có hành động như thế nào? (Sử dụng từ khóa: khích lệ, thúc đẩy, cổ vũ, động viên, thôi thúc,...)
3	Nội dung của câu văn sau có ý nghĩa gì với anh/chị?	- Khái quát nội dung của câu nói (1 câu). Gọi ý: Tác giả muốn nói điều gì với bạn đọc? Câu nói mang đến thông tin gì? - Khẳng định câu nói đem lại cho ta những ý nghĩa sâu sắc (nêu 3 ý): về nhận thức, về thái độ, về hành động (giống dạng trên)
4	Nêu thông điệp và lí giải	- Nêu thông điệp (1 câu) <i>Lưu ý:</i> + Nêu thành mệnh đề mang tính triết lí. + Không trích nguyên văn, dù câu đó chứa thông điệp. + Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên phải. - Lí giải vì sao chọn thông điệp đó (3 lí do): + Thực chất là nêu ý nghĩa với bản thân. + Sử dụng các từ khóa: Khơi dậy, thức tỉnh, cổ vũ khuyến khích, nhắc nhở, truyền cảm hứng, tạo động lực giúp nhận ra,... Cấu trúc trả lời: Thông điệp có ý nghĩa nhất với tôi là:... Bởi/Vì ... Mặt khác,... Ngoài ra,....
5	Từ nội dung đoạn trích, rút ra bài học ý nghĩa đối với bản thân	- Nêu bài học ý nghĩa nhất với bản thân (1 câu). + Có thể nêu bài học về nhận thức hoặc hành động. + Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải. - Nêu khoảng 03 lí giải về bài học đó. + Nếu làm như vậy sẽ đem lại điều gì? + Nếu không làm như vậy thì sẽ ra sao?

*** TIẾNG VIỆT**

**** Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa**

- Lỗi Logic:

+ **Khái niệm:** Là hiện tượng câu hoặc đoạn văn, văn bản có những thông tin, lập luận mâu thuẫn nhau hoặc thiếu nhất quán, không đầy đủ, không phù hợp với lí lẽ thông thường và thực tế.

+ **Cách sửa:** Cần xác định nguyên nhân gây ra lỗi và thay thế bằng các từ ngữ phù hợp, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với tư duy cũng như thực tế khách quan.

- **Câu mơ hồ:**

+ **Khái niệm:** Là câu mắc lỗi dùng từ hoặc lỗi cấu tạo khiến người nghe (người đọc) có thể hiểu nhiều cách khác nhau, không đúng ý người nói (người viết), hoặc gây hiểu lầm.

+ **Cách sửa:** Người viết cần thêm những từ ngữ phù hợp để làm nổi bật thông báo duy nhất của câu, tránh hiểu lầm.

**** Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng.**

- **Biện pháp tu từ nghịch ngữ**

+ **Khái niệm:** Nghịch ngữ là biện pháp trong đó hai từ, cụm từ hoặc ý tưởng đối lập được sắp xếp cạnh nhau trong câu để tạo ra sự tương phản, đối lập, hoặc nhấn mạnh sự khác biệt giữa chúng.

+ **Đặc điểm:**

++Tạo ra sự đối lập giữa hai yếu tố hoặc ý, thường thông qua việc sử dụng từ ngữ trái ngược.

++Tăng tính thú vị và sự lưu ý: nghịch ngữ thường được sử dụng để làm cho văn bản trở nên thú vị và lôi cuốn hơn, tạo ra hiệu ứng âm nhạc khi sử dụng văn bản.

++Tạo ra sự nhấn mạnh: nghịch ngữ làm nổi bật ý hoặc khía cạnh nào đó của văn bản, từ đó tạo ra sự nhấn mạnh và sự lưu ý với độc giả.

- **Biện pháp tu từ nói mỉa**

+ **Khái niệm:** Là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ, cách diễn đạt trái ngược với ý nghĩa thực sự để bày tỏ thái độ chê bai, mỉa mai, giễu cợt sự vật, hiện tượng hoặc con người nào đó.

+ **Đặc điểm:** BPTT nói mỉa thường được sử dụng trong giao tiếp đùa cợt, châm biếm hoặc để thể hiện sự mỉa mai, chê bai.

* **Lưu ý:** có thể vận dụng thêm kiến thức tiếng Việt lớp dưới với mức độ phù hợp.

II. PHẦN VIẾT

1. Viết đoạn văn nghị luận 200 chữ (có liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu)

1.1. Đoạn văn nghị luận về thơ

* **Vấn đề nghị luận:**

- Ngôn ngữ thơ, hình ảnh, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực.

- Nội dung, chủ đề, chủ thể trữ tình của đoạn thơ, bài thơ,...

* **Yêu cầu viết đoạn nghị luận về thơ**

- Yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn;

+ Viết khoảng 8 - 10 câu

+ Viết đoạn theo cấu trúc hỗn hợp (Tổng - Phân - Hợp).

+ Đánh dấu các khía cạnh triển khai bằng từ chỉ thứ tự.

+ Không xuống dòng khi nêu/dẫn ra bằng chứng trong tác phẩm.

- Yêu cầu triển khai nội dung

+ Câu mở đoạn phải nêu được ba thông tin: nhan đề tác phẩm, tên tác giả, vấn đề nghị luận.

+ Làm rõ nội dung/ý tưởng chính của đoạn văn bằng cách cung cấp các bằng chứng, lí lẽ có liên quan (nêu và dẫn ra bằng chứng trong tác phẩm).

+ Sử dụng phép liên kết câu trong quá trình phân tích. Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, phù hợp với nội dung, mục đích của đoạn văn.

- Yêu cầu về diễn đạt

Không sai lỗi chính tả và diễn đạt.

- Yêu cầu về sáng tạo

Có nội dung liên hệ, so sánh, mở rộng trong quá trình phân tích.

* **Quy trình viết đoạn văn**

- **Bước 1: Xử lí đề bài trước khi viết (Chuẩn bị)**

- + Đọc đề, gạch chân phần lệnh, yêu cầu của đề
- + Đọc văn bản, xác định nội dung chính và cá ý cần triển khai theo yêu cầu của đề bài.

*** Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý

- + Xác định các ý chính cần triển khai trong đoạn văn.
- + Xác định các bằng chứng, lí lẽ sẽ sử dụng làm sáng tỏ các ý chính.

- Lập dàn ý

Cấu trúc đoạn nghị luận về thơ:

Cấu trúc	Nội dung	Dung lượng
Mở đoạn	Giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm, vấn đề nghị luận, trích dẫn đoạn thơ	1 - 2 câu
Thân đoạn	++ Phân tích nội dung: khái quát mạch cảm xúc của bài thơ. Xác định ý chính trong từng đoạn, từng khổ thơ. Nêu cách bài thơ triển khai nội dung từ mở đầu đến kết thúc. Phân tích từng phần nội dung. Chỉ ra hình ảnh, từ ngữ, chi tiết nổi bật. ++ Phân tích nghệ thuật đặc sắc: nhịp điệu, thể thơ. Đặc điểm của thể thơ [lục bát, thất ngôn bát cú, tự do,...] và cách thể thơ góp phần vào nội dung. Ngôn ngữ thơ. Giọng điệu và cảm xúc. ++ Liên hệ và so sánh (nếu có).	7 - 8 câu
Kết đoạn	Tổng kết lại vấn đề nghị luận, liên hệ mở rộng.	1 - 2 câu

*** Bước 3: Viết đoạn văn**

- Viết mở đoạn (1 - 2 câu)

+ **Mở đoạn trực tiếp:** giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm, nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn đoạn thơ => Cách viết này nhanh, đảm bảo đúng, đủ, nhưng không ấn tượng.

+ **Mở đoạn gián tiếp:** dẫn từ đề tài/phong cách/nhận định/ cảm nhận của cá nhân... + Nêu vấn đề nghị luận=> Cách viết này cần có kiến thức và cảm nhận văn học.

- Viết thân đoạn (7 - 8 câu)

+ **Luận điểm 1:** Phân tích (làm rõ nội dung mà đề bài yêu cầu, nêu lí lẽ kết hợp với bằng chứng trong văn bản để phân tích).

+ **Luận điểm 2: Đánh giá** (xác định những đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích của đề bài để nhận xét, đánh giá nội dung đề yêu cầu phân tích).

- Viết kết đoạn (1- 2 câu)

+ Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích.

+ Liên hệ, mở rộng (phần sáng tạo linh hoạt).

*** Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa.**

1.2. Đoạn văn nghị luận về truyện

*** Vấn đề nghị luận:**

Chi tiết, điểm nhìn, cốt truyện, tình huống, nhân vật, lời văn trần thuật, các thủ pháp nghệ thuật, chủ đề, thông điệp, ý nghĩa, nội dung,...

*** Yêu cầu viết đoạn nghị luận về truyện**

- Yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn;

+ Viết khoảng 8 - 10 câu

+ Viết đoạn theo cấu trúc hỗn hợp (Tổng - Phân - Hợp).

+ Đánh dấu các khía cạnh triển khai bằng từ chỉ thứ tự.

+ Không xuống dòng khi nêu/dẫn ra bằng chứng trong tác phẩm.

- Yêu cầu triển khai nội dung

+ Câu mở đoạn phải nêu được ba thông tin: nhan đề tác phẩm, tên tác giả, vấn đề nghị luận.

+ Làm rõ nội dung/ý tưởng chính của đoạn văn bằng cách cung cấp các bằng chứng, lí lẽ có liên quan (nêu và dẫn ra bằng chứng trong tác phẩm).

+ Sử dụng phép liên kết câu trong quá trình phân tích. Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, phù hợp với nội dung, mục đích của đoạn văn.

- Yêu cầu về diễn đạt

Không sai lỗi chính tả và diễn đạt.

- Yêu cầu về sáng tạo

Có nội dung liên hệ, so sánh, mở rộng trong quá trình phân tích.

*** Quy trình viết đoạn văn**

- Bước 1: Xử lý đề bài trước khi viết (Chuẩn bị)

+ Đọc đề, gạch chân phần lệnh, yêu cầu của đề

+ Đọc văn bản, xác định nội dung chính và cá ý cần triển khai theo yêu cầu của đề bài.

*** Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý

+ Xác định các ý chính cần triển khai trong đoạn văn.

+ Xác định các bằng chứng, lí lẽ sẽ sử dụng làm sáng tỏ các ý chính.

- Lập dàn ý

Cấu trúc đoạn nghị luận về truyện

Cấu trúc	Nội dung	Dung lượng
Mở đoạn	Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm, yêu cầu của đề	1 - 2 câu
Thân đoạn	Làm rõ vấn đề nghị luận - Dẫn dắt đến vấn đề bàn luận. - Bằng chứng từ tác phẩm "..." - So sánh với yếu tố khác (nếu cần). Nhận xét/Đánh giá - Đánh giá về các phương diện nghệ thuật trong việc góp phần làm nên vẻ đẹp của tác phẩm. - Nêu ý nghĩa/giá trị của vấn đề hoặc rút ra thông điệp/bài học.	7 - 8 câu
Kết đoạn	Khẳng định lại vấn đề + đánh giá về tài năng và phong cách của nhà văn .	2- 2 câu

*** Bước 3: Viết đoạn văn**

- Viết mở đoạn (1 - 2 câu)

+ **Mở đoạn trực tiếp:** giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm, nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn đoạn trích => Cách viết này nhanh, đảm bảo đúng, đủ, nhưng không ấn tượng.

+ **Mở đoạn gián tiếp:** dẫn từ đề tài/phong cách/nhận định/ cảm nhận của cá nhân... + Nêu vấn đề nghị luận=> Cách viết này cần có kiến thức và cảm nhận văn học.

- Viết thân đoạn (7 -8 câu)

+ **Luận điểm 1:** Phân tích (làm rõ nội dung mà đề bài yêu cầu, nêu lí lẽ kết hợp với bằng chứng trong văn bản để phân tích).

+ **Luận điểm 2: Đánh giá** (xác định những đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích của đề bài để nhận xét, đánh giá nội dung đề yêu cầu phân tích).

- Viết kết đoạn (1- 2 câu)

+ Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích.

+ Liên hệ, mở rộng (phân sáng tạo linh hoạt).

*** Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa**

Đọc lại và rà soát lỗi. Chỉnh sửa cho hợp lý

2.2. Viết bài văn nghị luận xã hội

*** Yêu cầu viết bài văn nghị luận xã hội**

- Yêu cầu về hình thức:

+ Đảm bảo cấu trúc của một bài văn có mở bài, thân bài, kết bài.

+ Dung lượng khoảng 450 chữ (khoảng 1,5 trang giấy thi).

+ Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

+ Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.

+ Có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.

- Yêu cầu về nội dung:

Triển khai được ít nhất 3 luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân: giải thích, bàn luận (kết quả, giải pháp), mở rộng (bày tỏ quan điểm, trao đổi ý kiến, quan điểm trái chiều).

*** Quy trình viết**

- Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- + Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc.
- + Thu thập tài liệu.

- Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

+ Huy động kiến thức liên quan, tìm ý tưởng cho bài viết và sắp xếp các ý thành dàn ý hoàn chỉnh.

+ Cần phác thảo nhanh ý tưởng ra nháp một cách có hệ thống để khi trình bày chúng ta có cấu trúc bài viết mạch lạc, khoa học.

- Bước 3: Viết bài

+ Viết thành bài hoàn chỉnh, đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài.

+ Bài viết cần có bố cục hợp lí; lập luận chặt chẽ; lí lẽ thuyết phục; bằng chứng phù hợp, khéo léo. Đồng thời, bày tỏ quan điểm và thái độ của bản thân một cách sâu sắc, rõ ràng.

- Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa

- + Đọc lại và kiểm tra lỗi.
- + Chỉnh sửa cho hợp lí.
- + Rút kinh nghiệm.

*** Dàn ý bài văn nghị luận xã hội (vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ)**

Mở bài: Giới thiệu vấn đề

Giới thiệu vấn đề nghị luận và khẳng định vấn đề (dựa vào từ khóa để xác định trọng tâm)

Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận

- Giải thích
- Nêu biểu hiện của vấn đề (nếu cần)
- Phân tích - bình luận: tập trung vào trọng tâm đề bài yêu cầu.

CÁCH 1: trình bày từng luận điểm, kết hợp lí lẽ và bằng chứng đan xen.

- + Luận điểm 1 (lí lẽ + bằng chứng)
- + Luận điểm 2 (lí lẽ + bằng chứng)
- + Luận điểm 3 (lí lẽ + bằng chứng)

CÁCH 2: trình bày từng luận điểm + phân tích, tách phần bằng chứng ra thành một đoạn riêng + dùng lí lẽ làm rõ bằng chứng.

- Mở rộng vấn đề:

- + Phê phán những hành vi trái chuẩn mực.
- + Đưa ra những quan điểm, cách nhìn khác về vấn đề.

Kết bài: Khép lại vấn đề nghị luận

- Khẳng định lại vấn đề (*Tóm lại, ...*)
 - Nhận thức và hành động của bản thân (liên hệ bản thân)
- Rút ra bài học/Kêu gọi mọi người (*Như vậy, ...*)

C. THỰC HÀNH

ĐỀ 1.

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

DẶN CON

Phan Thị Thanh Nhàn¹

(1) *Con ơi!*

Con sẽ gặp trên đường nhiều người ăn xin

Con sẽ thấy trên đường nhiều người khốn khó

Mẹ con mình không hề giàu có

Nhưng cũng là đủ ăn

(2) *Con hãy theo thứ tự ưu tiên*

Trước hết là những người ruột thịt

Hãy từ thiện ngay trong gia đình

Cố gắng góp chút gì sao để không còn ai đói rét

(3) *Với người qua đường, con ơi, chút ít*

Con hãy sẻ chia lòng thảo thơm

Mai đây khi mẹ không còn

Con chỉ gặp những tấm lòng thơm thảo.

(Trích theo *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 10 năm 2024, tr.7)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,75 điểm) Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. (0,75 điểm) Xác định những đối tượng người con sẽ gặp, thấy trên đường ở khổ thơ (1).

Câu 3. (1,0 điểm) Trình bày cách hiểu của anh/chị về nghĩa của cụm từ “lòng thảo thơm” trong đoạn thơ (3).

Câu 4. (1,0 điểm) Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 5. (0,5 điểm) Từ văn bản trên, anh/chị hãy rút ra một bài học có ý nghĩa đối với bản thân (trình bày khoảng 5 - 7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm sự của chủ thể trữ tình trong bài thơ *Dặn con* của Phan Thị Thanh Nhàn.

Câu 2. (4,0 điểm)

Hiện nay, ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng. Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 450 chữ) trình bày một số cách thế hệ trẻ có thể lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường thông qua mạng xã hội.

----- **HẾT** -----

¹ Phan Thị Thanh Nhàn (sinh ngày 9 tháng 8 năm 1943) là một nhà thơ nữ nổi tiếng của Việt Nam từ những năm 1960. Bà viết nhiều thơ tình. Những bài thơ của bà rất chân thành, gần gũi. Một số tác phẩm tiêu biểu *Hương thơm*, *Chị Võ Thị Sáu*, *Nàng tiên ốc*,...

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Lược đoạn đầu: Lượng (nhân vật tôi) cùng tiểu đội lính pháo binh về làng Đăng đóng quân trong những ngày đầu kháng chiến. Họ xin ở nhờ nhà một bà cụ nghèo. Nhà chỉ có hai mẹ con, cô con gái là du kích, tên Thận. Cầu trúc trận địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới.)

Đơn vị chúng tôi hôm đó phòng ngự cố thủ. Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc. Đội du kích xã bám sát bên từng hố chiến đấu của chúng tôi. Gần chiều, các làng xung quanh trông thấy lửa bốc lên từ lũy tre làng Đăng. Địch đã chiếm được nửa làng. Tôi bị thương nặng. Địch xung phong vào lối ngõ nhà Thận, nhà tôi ở. Lúc trông thấy những bóng áo trắng của lính Tây lấp ló sau cái ngõ trống, tôi bảo Thận: “Cô quay lại phía sau xem đồng bào còn ai thì dắt xuống hầm, mau!”. Thận không nghe. Cô chỉ có một thanh mã tấu, liền vút thanh mã tấu xuống, nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch rồi cõng tôi lui về phía sau. Đêm ấy, đơn vị chúng tôi phá vòng vây thoát ra ngoài. Trừ một số du kích ở lại bám sát địch, nhân dân lại gồng gánh ra đi theo bộ đội. Một hàng cáng() thương binh từ sân đình theo con ngòi sau làng lặng lẽ tiến ra bờ sông Thong. Tôi nằm trên chiếc võng bà mẹ Thận thường hay nằm. Người cáng tôi đêm ấy chẳng phải ai khác lại chính là Thận. Năm năm rồi, lúc nào tôi cũng như trông thấy một mép khăn mỏ quạ bay lất phất trên cái cổ cao rám nắng, và thanh mã tấu in hằn xuống một bên vai áo nâu cứ đánh lách cách bên thanh đòn khiêng.*

[...] Đêm ấy trời chưa lạnh lắm. Không có sóng nhưng tôi vẫn nghe tiếng róc rách dưới lưng. Bầu trời đỏ lửa, nhưng vẫn đầy sao. Mỗi vì sao như những con mắt nhấp nháy nhìn chúng tôi. Thận đỡ tôi nằm trên tấm ván lát mạn đò. Giữa trời sao khuya, một đôi mắt đen và to khê chớp. Tim tôi đập rộn lên trong cái chớp mắt ấy. Thận cẩn thận gài lại mép chăn cho tôi rồi cúi xuống, sát hơn: “Anh chóng lành để trở về giết thật nhiều giặc nhé - Anh đừng quên em!” Tôi thò tay ra ngoài mép chăn nắm chặt lấy bàn tay ram ráp bụi cát và ấm áp. Thận nhẹ nhàng xô đò ra. Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhẹ nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trổ. Tôi phỏng đoán sáng ngày mai địch lại tiếp tục càn lớn.

(Nguyễn Minh Châu, trích *Nhàn mai*, Tuyển tập truyện ngắn, NXB Văn học, 2006).

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể được sử dụng trong văn bản

Câu 2. Tìm chi tiết miêu tả hành động của Thận khi địch tràn vào làng.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau: “Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhẹ nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trổ”.

Câu 4. Hành động cứu Lượng khi bị thương nặng góp phần thể hiện tính cách gì của nhân vật Thận?

Câu 5. Nhận xét thái độ, tình cảm của nhà văn được thể hiện qua đoạn trích trên.

II. VIẾT (6,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về nhân vật Thận trong đoạn trích trên.

Câu 2. (4,0 điểm)

Ngày 9 tháng 1 năm 2025, báo Tuoitre.vn đã viết: Năm 2025, mạng xã hội sẽ “thay da đổi thịt” để trở về đúng với tôn chỉ là “nền tảng vì lợi ích chung của xã hội”.

Từ hiểu biết của bản thân, anh/chị hãy viết một bài văn (khoảng 450 chữ) với chủ đề: *Vai trò của tuổi trẻ trong việc đưa mạng xã hội trở thành nền tảng vì lợi ích chung của xã hội.*

-----**Hết**-----